

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2020/DS-PT

Ngày: 25-8-2020

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng
đất giáp ranh”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Lạc

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Hà

Ông Nguyễn Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhơn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Nguyễn Văn Bé Tư -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/TLPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2020 về “Tranh
chấp quyền sử dụng đất giáp ranh”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2019/DS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2019 của
Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 171/2020/QĐ-PT ngày 13
tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 207/2020/QĐ – PT ngày 05/8/2020
giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* cụ Huỳnh Thị Tr (chết)

1.1 *Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Huỳnh Thị
Tr (chết):*

1.1.1 Lưu Thị N, sinh năm 1952.

Địa chỉ: ấp Phú Đ, xã Hiếu T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

1.1.2 Lưu Khải H, sinh năm 1954.

Địa chỉ: ấp Hôi T, xã Xuân H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

1.1.3. Lưu Thị N Em, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp Tân H, xã Hiếu P, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp cho bà N, ông Hoàng, bà N Em: Ông Lương Hoàng V, sinh năm 1956; địa chỉ: ấp Tân H, xã Hiếu P, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/8/2016)

2. Bị đơn: Nguyễn Út C, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp Hôi T, xã Xuân H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

3. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Tạ Thị D, sinh năm 1970.

3.2. Nguyễn Thị C1, sinh năm 1967.

3.3. Nguyễn Văn B, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: ấp Hôi T, xã Xuân H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3.4. Nguyễn Thị N, sinh năm 1959.

3.5. Nguyễn Ngọc X, sinh năm 1952.

Cùng địa chỉ: ấp Quang T, xã Hiếu P, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3.6. Nguyễn Thị T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp Mỹ Yên, xã Tân Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

3.7. Nguyễn Thị S, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp Vĩnh T, xã Hựu T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3.8. Lưu Thị N, sinh năm 1952.

Địa chỉ: ấp Phú Đ, xã Phú N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3.9. Lưu Khải H, sinh năm 1954.

Địa chỉ: ấp Hôi T, xã Xuân H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3.10. Lưu Thị N Em, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp Tân H, xã Hiếu P, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: bị đơn ông Nguyễn Út C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/4/2013 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cụ Huỳnh Thị Tr trình bày: Cụ có phần đất giáp ranh phần đất của cụ Nguyễn Văn T (Tám Xệ) (chết) có con là Nguyễn Út C đang sử dụng. Nguồn gốc đất của cụ Tr do cách mạng cấp thời chiến tranh. Vào ngày 15/3/2000 cụ Tr được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc tờ bản đồ số 4, thửa 1789, diện tích 1.280m². Khi đoàn Vlap đo đạc thì phía ông Út C dành phần đất giáp ranh do cụ trồng dừa lá nước và sử dụng từ trước năm 1975 đến. Nay cụ Huỳnh Thị Tr khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Út C giao phần đất thuộc thửa 1789, diện tích như đã chỉ ranh đo đạc hiện trạng.

Vào ngày 08/7/2013 cụ Huỳnh Thị Tr chết, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ Huỳnh Thị Tr đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lưu Thị N, ông Lưu Khải H và bà Lưu Thị N Em giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Tại bản tự khai ngày 13/5/2013 và những lời khai tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Út C trình bày: Ông có phần đất sử dụng giáp ranh với đất của cụ Huỳnh Thị Tr, phần đất do cha ông là cụ Nguyễn Văn T quản lý sử dụng trước 1945. Cha ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/8/1993. Đến năm 2001 cha ông qua đời để lại phần đất nói trên cho ông quản lý, sử dụng. Ông tiếp tục sử dụng đất theo đúng ranh giới, vị trí đất do cha ông để lại như hiện nay. Năm 2010 phía cụ Tr khiếu nại cho rằng gia đình ông lấn chiếm đất của cụ. Ngày 12/8/2010 Ủy ban nhân dân xã Xuân hiệp tiến hành hòa giải và có ra thực địa xác định ranh. Kết quả hai bên đồng ý cắm trụ đá theo như cũ đến khi đo đạc theo chương trình Vlap cũng không thay đổi cọc ranh. Ông không có lấn chiếm đất của cụ Huỳnh Thị Tr. Nay cụ Tr khởi kiện cho rằng gia đình ông lấn chiếm diện tích như hai bên chỉ ranh đo đạc ông không đồng ý.

Bà Nguyễn Thị C1, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N, Nguyễn Ngọc X, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị S trình bày: Đứng về phía bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị D trình bày: Bà thống nhất ý kiến của bị đơn, không yêu cầu độc lập trong vụ.

Qua xem xét thẩm định, đo đạc, định giá các đương sự thống nhất và không thống nhất được như sau:

Những vấn đề các đương sự thống nhất:

- Giá trị đất tranh chấp theo giá thị trường tại địa phương hiện nay là 50.000đồng/m², lá dừa nước do nguyên đơn trồng toàn bộ trên đất tranh chấp cao dưới 5m giá 2.000đồng/m²

Những vấn đề các đương sự không thống nhất:

-Phía nguyên đơn khẳng định phần đất tranh chấp diện tích 833,9m² thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn, phía bị đơn khẳng định phần đất này là phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bị đơn.

* Tại bản án số 53/2014/DSST ngày 10/10/2014 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn đã xử:

Căn cứ Điều 170, 265, 605,608 và 688 Bộ luật dân sự; Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Huỳnh Thị Tr do bà Lưu Thị N Em, bà Lưu Thị N và ông Lưu Khải H kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Huỳnh Thị Tr.

Công nhận phần đất diện tích 497,7m² thuộc thửa 1789 tờ bản đồ số 04 loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc ấp Hồi T, xã Xuân H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 15/3/2000 cho cụ Huỳnh Thị Tr đứng tên. Buộc bị đơn Nguyễn Út C giao phần đất này cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ Tr là bà Lưu Thị N Em, bà Lưu Thị N và ông Lưu Khải H tiếp tục quản lý và sử dụng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Huỳnh Thị Tr đối với quyền sử dụng đất diện tích 280.8m² thuộc thửa 1794 tờ bản đồ số 04 tọa lạc ấp Hồi T, xã Xuân H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Công nhận phần đất này theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 10/8/1993 cho ông Nguyễn Văn T đứng tên.

Các phần đất trên theo trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trà Ôn thực hiện.

Buộc ông Nguyễn Út C hoàn trả giá trị lá dừa nước đã đốn cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Tr là bà Lưu Thị N Em, bà Lưu Thị N và ông Lưu Khải H với số tiền 995.400đồng(*Chín trăm chín mươi lăm ngàn bốn trăm đồng*).

* Tại bản án số 149/2015/DSPT ngày 28/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 53/2014/DSST ngày 10/10/2014 của Tòa án nhân dân huyện Trà ôn, tỉnh Vĩnh Long. Chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử lại theo thủ tục chung.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 58/2019/DSST ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trà ôn, tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Căn cứ các điều 147, 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 170, 265, 605, 608 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2005; điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị Tr do bà Lưu Thị N Em, bà Lưu Thị N và ông Lưu Khải H kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Huỳnh Thị Tr (cụ Tr chết).

Công nhận phần đất diện tích 499,3m² thuộc thửa 171-3 (thửa cũ 1789) tờ bản đồ số 31 (cũ 04) loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc ấp Hồi Thành, xã Xuân Hiệp, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền sử dụng của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Huỳnh Thị Tr. Buộc bị đơn nguyên Út C giao phần đất này cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Tr là bà Lưu Thị N Em, bà Lưu Thị N và ông Lưu Khải H tiếp tục quản lý và sử dụng. Vị trí, tứ cận thửa đất thể hiện như sau: Móc 62 – 68 – 69 – 58 – 62 (theo trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 02/3/2017 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trà Ôn kèm theo)

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Huỳnh Thị Tr đối với quyền sử dụng đất diện tích 334.6m² thuộc thửa 174-3, tờ bản đồ 31 (thửa cũ 1794 tờ bản đồ số 04) tọa lạc ấp Hồi T, xã Xuân H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Công nhận phần đất này thửa 174-3 diện tích 334,6 m² cho ông Nguyễn Út C sử dụng. Vị trí, tứ cận thửa đất thể hiện như sau: Móc 68 – 61 – 59 – 69 – 68 (theo trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 02/3/2017 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trà Ôn kèm theo)

Buộc ông Nguyễn Út C hoàn trả giá trị lá dừa nước đã chặt (đốn) cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ Tr là bà Lưu Thị N Em, bà Lưu Thị N và ông Lưu Khải H với số tiền 998.600 đồng (*Chín trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm đồng*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí dân sự sơ thẩm, chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 25/12/2019/2020 ông Nguyễn Út C có đơn kháng cáo yêu cầu như sau: Sửa bản án dân sự sơ thẩm. Bác đơn khởi kiện của cụ Huỳnh Thị Tr có các con: Lưu Thị N, Lưu Thị N Em, Lưu Khải H là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Tr. Phía nguyên đơn phải chịu hoàn toàn chi phí đo đạc. Công nhận những trụ móc thỏa thuận là những trụ móc Vlap làm móc ranh.

Tại phiên Tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Út C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Ngày 11/12/2019 Tòa án xét xử sơ thẩm ông Chính có tham dự, ngày 25/12/2019 ông Chính kháng cáo còn trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Chính đồng ý án phí phúc thẩm đầy đủ, đúng quy định của pháp luật N kháng cáo hợp lệ. Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý vụ án theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định.

Xét thấy: kháng cáo của ông C là chưa có cơ sở chấp nhận. Bởi vì:, Cụ Huỳnh Thị Tr chết (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ Tr) có sử dụng phần đất thửa 1789 diện tích 1280m² do cụ Tr đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 15/3/2000 giáp ranh với phần đất thửa 1794 diện tích 4540m² do cụ Nguyễn Văn T (cha ông C) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 10/8/1993, hiện phần đất do bị đơn ông Nguyễn Út C quản lý sử dụng, cả hai thửa đất nêu trên cùng tọa lạc ấp Hồi T, xã Xuân H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình sử dụng cụ Tr cho rằng ông C đã sử dụng lấn qua phần đất của cụ Tr, ông C cho rằng quá trình sử dụng không có lấn qua ranh đất của cụ Tr N ông C không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhưng theo trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 03/02/2017 thì phần đất tranh chấp có diện tích 833,9m² trong đó chiết thửa 171-3 diện tích 499,3m² thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn. Còn lại chiết thửa 174-3 diện tích 334,6 thuộc quyền sử dụng của bị đơn. Án sơ thẩm xử công nhận cho nguyên đơn được quyền sử dụng thửa 171-3 diện tích 499,3m² và buộc ông C hoàn trả lại giá trị lá dứa nước cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ Tr với số tiền là 998.600đ là có căn cứ, N không chấp nhận kháng cáo ông C. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 31.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Út C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 53/2019/DSST ngày 11/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Ông C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ, khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông C không phải nộp thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ngày 11/12/2019 Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm. Ngày 25/12/2019 ông Nguyễn Út C nộp đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm theo qui định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Cụ Huỳnh Thị Tr (chết) có sử dụng phần đất thửa 1789 (củ) thửa mới 171 giáp ranh với thửa đất 1794 (củ) thửa mới 174 của ông Nguyễn Út C. Các thửa đất tọa lạc tại ấp Hồi T, xã Xuân H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình sử dụng hai bên xảy ra tranh chấp. Phía nguyên đơn có những người thừa kế quyền và nghĩa vụ là: Lưu Thị N, Lưu Thị N Em, Lưu Khải H khởi kiện yêu cầu phía bị đơn là ông Nguyễn Út C trả lại phần đất tranh chấp diện tích 833,9m² các đương sự xác định theo đo đạc hiện trạng ngày 02/3/2017.

[3] Xét thấy phần diện tích đất 833,9m² mà nguyên đơn yêu cầu là có cơ sở chấp nhận một chấp nhận. Bồi lẽ theo biên bản lấy lời khai của những người biết sự việc xác định ranh đất của cụ Tr sử dụng từ bờ đi cạp ruộng qua đến mé đập (ao). Phía cụ Nguyễn Văn T (chết), ông Nguyễn Út C sử dụng nguyên con đập (ao). Tại báo cáo số 97/BC – TNMT ngày 21/4/2017 của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Trà Ôn xác định: phần đất tranh chấp có diện tích 833,9m² trong đó diện tích 499,3m² thuộc thửa 171-3 thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn và diện tích 334,6m² thuộc thửa 174-3 thuộc quyền sử dụng của bị đơn là hoàn toàn phù hợp với trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 02/3/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Trà Ôn thực hiện.

[4] Từ những nhận định trên, chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Út C. Các bên phải có nghĩa vụ sử dụng đất đúng theo ranh giới theo quy định tại Điều 175 và Điều 176 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về chi phí khảo sát đo đạc: do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Út C N chi phí đo đạc ông vẫn phải chịu tương ứng với phần mà nguyên đơn không được chấp nhận là 18.317.000đ.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận N ông Nguyễn Út C chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Út C;

[2] Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2019/DSST ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[3] Căn cứ các điều 147, 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 170, 265, 605, 608 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2005; điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị Tr do bà Lưu Thị N Em, bà Lưu Thị N và ông Lưu Khải H kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Huỳnh Thị Tr (cụ Tr chết).

- Công nhận phần đất diện tích 499,3m² thuộc thửa 171-3 (thửa cũ 1789) tờ bản đồ số 31 (cũ 04) loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc ấp Hồi T, xã Xuân H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền sử dụng của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Huỳnh Thị Tr. Buộc bị đơn Nguyễn Út C giao phần đất trên cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Tr là bà Lưu Thị N Em, bà Lưu Thị N và ông Lưu Khải H tiếp tục quản lý và sử dụng. Vị trí, tứ cận thửa đất thể hiện như sau: Móc 62 – 68 – 69 – 58 – 62 (theo trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 02/3/2017 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trà Ôn kèm theo)

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với quyền sử dụng đất diện tích 334.6m² thuộc thửa 174-3, tờ bản đồ 31 (thửa cũ 1794 tờ bản đồ số 04) tọa lạc ấp Hồi T, xã Xuân H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Công nhận phần đất trên thửa 174-3 diện tích 334,6 m² cho ông Nguyễn Út C sử dụng. Vị trí, tứ cận thửa đất thể hiện như sau: Móc 68 – 61 – 59 – 69 – 68 (theo trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 02/3/2017 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trà Ôn kèm theo)

- Buộc ông Nguyễn Út C trả giá trị lá dừa nước đã chặt (đốn) cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ Tr là bà Lưu Thị N Em, bà Lưu Thị N và ông Lưu Khải H với số tiền 998.600đồng(*Chín trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm đồng*).

[4] Về chi phí khảo sát đo đạc: Ông Nguyễn Út C phải chịu số tiền 18.317.000 đồng. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ Tr là bà Lưu Thị N, Lưu Thị N Em và Lưu Khải H phải chịu phần chi phí đo đạc là 12.275.000đồng. Trong đó, cụ Tr được những người kế thừa quyền và nghĩa vụ là bà Lưu Thị N, Lưu Thị N Em và Lưu Khải H nộp tạm ứng 8.000.000 đồng, ông Út C nộp tạm ứng 22.592.000 đồng cân trừ đủ, buộc những người kế thừa quyền và

nghĩa vụ của cụ Tr là bà Lưu Thị N, Lưu Thị N Em và Lưu Khải H có nghĩa vụ hoàn trả cho Nguyễn Út C số tiền chi phí đo đạc 4.275.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án dân sự có đơn yêu cầu thi hành án dân sự, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền nêu trên, thì còn phải chịu thêm phần lãi theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Út C phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà ông C đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0015850 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, như vậy ông C đã nộp đủ.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND huyện Trà Ôn: 01;
- VKSND huyện Trà Ôn: 01;
- Chi Cục THADS huyện Trà Ôn: 01;
- Các đương sự;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Văn Lạc